

**BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC THUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ~~2357~~/TCT- KK
V/v: giới thiệu nội dung mới
về đăng ký thuế

Hà Nội, ngày 03 tháng 7 năm 2012

Kính gửi: Cục thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Ngày 22/05/2012, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 80/2012/TT-BTC hướng dẫn Luật Quản lý thuế về đăng ký thuế có hiệu lực từ ngày 01/07/2012.

Để giúp cán bộ thuế và người nộp thuế nắm bắt kịp thời thực hiện những thay đổi, bổ sung trong việc hướng dẫn đăng ký thuế, Tổng cục Thuế gửi kèm theo công văn này tài liệu giới thiệu về “Một số nội dung hướng dẫn mới về Thông tư số 80/2012/TT-BTC ngày 22/05/2012 thay thế Thông tư số 85/2007/TT-BTC ngày 18/07/2007 của Bộ Tài chính về đăng ký thuế.”

Đề nghị các cục thuế thông báo, phổ biến cho cán bộ thuế và tuyên truyền tới người nộp thuế trên địa bàn quản lý.

Tổng cục Thuế thông báo để các cục thuế được biết. //

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các Vụ, đơn vị thuộc Tổng cục Thuế
- Lưu: VT, KK (3b). *go*

**KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG**



TỔNG CỤC THUẾ

Một số nội dung hướng dẫn mới về

Thông tư số 80/2012/TT-BTC ngày 22/5/2012 thay thế Thông tư số 85/2007/TT-BTC ngày 18/7/2007 của Bộ Tài chính về đăng ký thuế

(Kèm theo công văn số ²³⁵⁷ ngày 03/7/2012 của Tổng cục Thuế)

Chương I : QUY ĐỊNH CHUNG

1. Điều 2 Chương I Thông tư số 80/2012/TT-BTC sửa đổi Tiết 2.1 Điểm 2 Phần I Thông tư số 85/2007/TT-BTC, cụ thể:

“Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân sau:

1. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có hoạt động sản xuất, kinh doanh và cung cấp dịch vụ, hàng hoá.
2. Cá nhân có thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân.
3. Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm khấu trừ và nộp thuế vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.
4. Tổ chức được ủy quyền thu phí, lệ phí.
5. Tổ chức nước ngoài không có tư cách pháp nhân Việt Nam, cá nhân nước ngoài hành nghề độc lập kinh doanh tại Việt Nam phù hợp với luật pháp Việt Nam có thu nhập phát sinh tại Việt Nam.
6. Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến các vấn đề về thuế như: các Ban quản lý dự án, các đơn vị sự nghiệp, các tổ chức, cá nhân không phát sinh nghĩa vụ nộp thuế nhưng được hoàn thuế, hoặc được tiếp nhận hàng viện trợ từ nước ngoài.
7. Tổ chức, cá nhân khác có phát sinh khoản phải nộp Ngân sách nhà nước.”

2. Tiết 3.c Điều 3 Thông tư số 80/2012/TT-BTC sửa đổi Tiết 3.3.c Điểm 3 Phần I Thông tư số 85/2007/TT-BTC, cụ thể:

“c) Mã số thuế 13 số (N1N2N3N4N5N6N7N8N9N10 N11N12N13) được cấp cho:

- Các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp có phát sinh nghĩa vụ thuế kê khai nộp thuế trực tiếp với cơ quan thuế;
- Đơn vị sự nghiệp trực thuộc tổng công ty, trực thuộc doanh nghiệp có phát sinh nghĩa vụ thuế.

Các tổ chức, cá nhân được quy định tại điểm này được gọi là “Đơn vị trực thuộc”, đơn vị có “đơn vị trực thuộc” được gọi là “đơn vị chủ quản”. Đơn vị trực thuộc trước khi đăng ký thuế với cơ quan thuế quản lý trực tiếp thì đơn vị chủ quản phải kê khai các đơn vị này vào “Bảng kê các đơn vị trực thuộc” để cơ quan thuế cấp mã số thuế 13 số.”

3. Bổ sung quy định về cấp mã số thuế cho người nộp thuế là nhà thầu, nhà đầu tư tham gia hợp đồng dầu khí tại Tiết 3.d Điều 3 Thông tư số 80/2012/TT-BTC, cụ thể:

“d) Cấp mã số thuế cho người nộp thuế là nhà thầu, nhà đầu tư tham gia hợp đồng dầu khí

Đối với hợp đồng tìm kiếm, thăm dò, khai thác dầu khí (sau đây gọi chung là “hợp đồng dầu khí”), mã số thuế 10 số được cấp cho: Người điều hành (Công ty điều hành chung) theo từng hợp đồng dầu khí; Doanh nghiệp liên doanh đối với hợp đồng dầu khí được ký kết dưới hình thức hợp đồng liên doanh.

Trường hợp hợp đồng dầu khí quy định mỗi nhà thầu, nhà đầu tư phải thực hiện nghĩa vụ thuế riêng thì nhà thầu, nhà đầu tư tham gia hợp đồng được cấp mã số thuế 13 số (kể cả nhà thầu, nhà đầu tư là Người điều hành và nhà thầu nhận phần lãi được chia) theo mã số thuế 10 số của Người điều hành để thực hiện kê khai, nộp thuế và quyết toán thuế đối với từng hợp đồng dầu khí.”

4. Tiết 3.d Điều 3 Thông tư số 80/2012/TT-BTC sửa đổi quy định cấp mã số thuế cho nhà thầu nước ngoài đăng ký nộp thuế trực tiếp với cơ quan thuế tại Tiết 2.5 Điểm 2 Mục I Phần II Thông tư số 85/2007/TT-BTC, cụ thể:

“đ) Cấp mã số thuế cho nhà thầu nước ngoài đăng ký nộp thuế trực tiếp với cơ quan thuế

Nhà thầu, nhà thầu phụ nước ngoài đăng ký nộp thuế trực tiếp với cơ quan thuế thì được cấp mã số thuế 10 số theo từng hợp đồng thầu đã ký.”

5. Tiết 3.e Điều 3 Thông tư số 80/2012/TT-BTC sửa đổi quy định cấp mã số thuế cho bên Việt Nam nộp thuế thay cho nhà thầu nước ngoài tại tiết 2.6 Điểm 2 Mục I Phần II Thông tư số 85/2007/TT-BTC, cụ thể:

“e) Cấp mã số thuế cho Bên Việt Nam nộp thuế thay cho nhà thầu nước ngoài

Nhà thầu và nhà thầu phụ nước ngoài không đăng ký nộp thuế trực tiếp với cơ quan thuế thì bên Việt Nam ký hợp đồng với nhà thầu có trách nhiệm khai và nộp thuế cho bên nước ngoài. Bên Việt Nam được cấp mã số thuế 10 số để sử dụng cho việc khai, nộp thuế cho các nhà thầu, nhà thầu phụ nước ngoài.”

Chương II: NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

I- HỒ SƠ, TRÌNH TỰ, THỦ TỤC ĐĂNG KÝ THUẾ.

1. Tiết a, b Khoản 1 Điều 4 Thông tư số 80/2012/TT-BTC sửa đổi, bổ sung quy định tại Điểm 1 Mục I Phần II Thông tư số 85/2007/TT-BTC, nội dung cụ thể:

“a) Doanh nghiệp thành lập, hoạt động theo quy định của Luật Doanh nghiệp thực hiện theo hướng dẫn tại Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.

b) Các tổ chức, cá nhân có hoạt động sản xuất kinh doanh, phát sinh nghĩa vụ nộp thuế, được hoàn thuế phải thực hiện đăng ký thuế trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày:

- ...

- Phát sinh nghĩa vụ thuế sử dụng đất phi nông nghiệp.”

2. Bổ sung quy định về thời gian giải quyết hồ sơ tại Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 80/2012/TT-BTC:

“2. Thời gian giải quyết hồ sơ: 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đăng ký thuế theo quy định (áp dụng chung đối với các thủ tục tổ chức, sắp xếp lại doanh nghiệp và chấm dứt hiệu lực mã số thuế).”

3. Bổ sung quy định về số lượng hồ sơ tại Khoản 3 Điều 4 Thông tư số 80/2012/TT-BTC:

“3. Quy định hồ sơ: Người nộp thuế nộp 01 (một) bộ hồ sơ duy nhất (áp dụng chung đối với các thủ tục tổ chức, sắp xếp lại doanh nghiệp và chấm dứt hiệu lực mã số thuế).”

4. Bổ sung quy định về hồ sơ đăng ký thuế đối với doanh nghiệp thành lập theo Luật Doanh nghiệp tại Khoản 1 Điều 5 Thông tư số 80/2012/TT-BTC:

“1. Hồ sơ đăng ký thuế đối với người nộp thuế là doanh nghiệp thành lập theo Luật Doanh nghiệp (bao gồm cả các đơn vị trực thuộc)

Doanh nghiệp thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp thực hiện đăng ký thuế theo quy định tại các Điều 19, 20, 21, 22, 23 và 33 Nghị định 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn hiện hành.”

5. Tiết a, Khoản 2 Điều 5 Thông tư số 80/2012/TT-BTC sửa đổi, bổ sung Tiết 2.1 Điểm 2 Mục I Phần II Thông tư số 85/2007/TT-BTC:

“a) Đối với tổ chức sản xuất kinh doanh

Hồ sơ đăng ký thuế gồm:

- Tờ khai đăng ký thuế theo mẫu 01-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư này và các bảng kê kèm theo tờ khai đăng ký thuế (nếu có);

- Bản sao không yêu cầu chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Quyết định thành lập.

Trường hợp tổ chức sản xuất kinh doanh là đơn vị chủ quản có đơn vị trực thuộc thì tổ chức sản xuất kinh doanh phải kê khai các đơn vị trực thuộc vào “Bảng kê các đơn vị trực thuộc”. Cơ quan thuế quản lý trực tiếp đơn vị chủ quản cấp mã số thuế cho đơn vị chủ quản, đồng thời cấp mã số cho từng đơn vị trực thuộc có trong “Bảng kê các đơn vị trực thuộc” của đơn vị chủ quản, kể cả trường hợp các đơn vị trực thuộc đóng tại các tỉnh khác. Đơn vị chủ quản có trách nhiệm thông báo mã số thuế (13 số) cho các đơn vị trực thuộc. Cơ quan thuế quản lý đơn vị chủ quản có trách nhiệm thông báo mã số thuế (13 số) cho cơ quan thuế quản lý đơn vị trực thuộc.

Trường hợp đơn vị chủ quản thành lập thêm đơn vị trực thuộc thì đơn vị chủ quản phải có hồ sơ gửi cơ quan thuế quản lý trực tiếp để được cấp mã số thuế cho đơn vị trực thuộc mới thành lập thêm, đồng thời bổ sung vào “Bảng kê các đơn vị trực thuộc” của đơn vị chủ quản.

Hồ sơ đăng ký mã số thuế cho đơn vị trực thuộc thành lập thêm gồm:

- Thông báo thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh theo mẫu 07-MST ban hành kèm theo Thông tư này;

- Bản sao không yêu cầu chứng thực Quyết định thành lập đơn vị trực thuộc.”

6. Khoản 3 Điều 5 Thông tư số 80/2012/TT-BTC sửa đổi, bổ sung Tiết 2.3 Điểm 2 Mục I Phần II Thông tư số 85/2007/TT-BTC:

“Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh chỉ được đăng ký kinh doanh tại một địa điểm. Trường hợp hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh sử dụng thường xuyên hơn mười lao động phải chuyển đổi sang hoạt động theo hình thức doanh nghiệp và thực hiện đăng ký doanh nghiệp theo quy định Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ.”

7. Khoản 4 Điều 5 Thông tư số 80/2012/TT-BTC sửa đổi, bổ sung Tiết 2.4, 2.5 Điểm 2 Mục I Phần II Thông tư số 85/2007/TT-BTC:

“4. Hồ sơ đăng ký thuế đối với người nộp thuế là nhà thầu, nhà thầu phụ nước ngoài đăng ký nộp thuế trực tiếp với cơ quan thuế

a) Đối với nhà thầu, nhà thầu phụ nước ngoài trực tiếp ký hợp đồng thầu với chủ đầu tư

Trường hợp nhà thầu nước ngoài là tổng thầu hoặc nhà thầu chính ký hợp đồng thầu với chủ đầu tư theo quy định của pháp luật, hồ sơ đăng ký thuế gồm:

- Tờ khai đăng ký thuế theo mẫu 04-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư này;

- Bản sao không yêu cầu chứng thực Giấy phép thầu (hoặc giấy tờ tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp);

- Bản sao không yêu cầu chứng thực Giấy xác nhận đăng ký văn phòng điều hành (hoặc giấy tờ tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp, nếu có);

- Bảng kê nhà thầu phụ kèm theo hợp đồng nhận thầu (nếu có).

Cơ quan thuế địa phương căn cứ hồ sơ đăng ký thuế của nhà thầu thực hiện cấp mã số thuế 10 số theo quy định.

b) Đối với nhà thầu nước ngoài tham gia hợp đồng liên danh tại Việt Nam

Trường hợp các bên liên danh thành lập ra Ban điều hành liên danh thì Ban điều hành liên danh được cấp mã số thuế 10 số để thực hiện kê khai, nộp thuế, quyết toán thuế theo quy định.

Hồ sơ đăng ký thuế gồm:

- Tờ khai đăng ký thuế theo mẫu 04-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư này;
- Bản sao không yêu cầu chứng thực Giấy phép thầu (hoặc giấy tờ tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp);
- Bản sao không yêu cầu chứng thực Giấy xác nhận đăng ký văn phòng điều hành (hoặc giấy tờ tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp, nếu có);
- Bảng kê danh sách nhà thầu phụ, các bên tham gia liên danh kèm theo hợp đồng nhận thầu (nếu có).

Trường hợp các bên tham gia liên danh thực hiện một phần công việc riêng biệt, tự xác định phần doanh thu thu được của mình thì có thể thực hiện đăng ký thuế riêng để kê khai, nộp thuế, quyết toán thuế theo quy định của pháp luật về thuế hiện hành.”

8. Khoản 5 Điều 5 Thông tư số 80/2012/TT-BTC sửa đổi, bổ sung Tiết 2.6, 2.7 Điểm 2 Mục I Phần II Thông tư số 85/2007/TT-BTC:

“5. Hồ sơ đăng ký thuế đối với bên Việt Nam nộp thuế thay cho nhà thầu, nhà thầu phụ nước ngoài

Hồ sơ đăng ký thuế gồm:

- Tờ khai đăng ký thuế theo mẫu số 04.1-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư này;

Trường hợp Bên Việt Nam cần quyết toán, xác nhận số tiền thuế đã nộp thay cho các nhà thầu nước ngoài, Bên Việt Nam phải cung cấp cho cơ quan thuế trực tiếp quản lý 01 (một) bộ hồ sơ gồm: bản sao không yêu cầu chứng thực hợp đồng thầu; các chứng từ, tài liệu liên quan đến hợp đồng thầu đã ký với các nhà thầu nước ngoài để phục vụ cho việc quyết toán thuế và xác nhận việc hoàn thành nghĩa vụ thuế (nếu có).”

9. Bổ sung quy định về hồ sơ đăng ký thuế đối với nhà thầu, nhà đầu tư tham gia hợp đồng dầu khí tại Khoản 6 Điều 5 Thông tư số 80/2012/TT-BTC:

“6. Hồ sơ đăng ký thuế đối với người nộp thuế là nhà thầu, nhà đầu tư tham gia hợp đồng dầu khí

a) Đối với Người điều hành và doanh nghiệp liên doanh

Hồ sơ đăng ký thuế gồm:

- Tờ khai đăng ký thuế mẫu 01-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư này và các bảng kê kèm theo tờ khai đăng ký thuế (nếu có);

- Bản sao không yêu cầu chứng thực Giấy chứng nhận đầu tư.

Người điều hành thực hiện kê khai các nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí vào “Bảng kê các nhà thầu, nhà thầu phụ nước ngoài”. Cơ quan thuế quản lý trực tiếp Người điều hành cấp mã số thuế 10 số cho Người điều hành đồng thời cấp mã số 13 số cho từng nhà thầu, nhà đầu tư có trong “Bảng kê các nhà thầu, nhà thầu phụ nước ngoài” của Người điều hành. Người điều hành có trách nhiệm thông báo mã số thuế (13 số) cho các nhà thầu, nhà đầu tư. Cơ quan thuế quản lý Người điều hành có trách nhiệm thông báo mã số thuế (13 số) cho cơ quan thuế quản lý nhà thầu, nhà đầu tư.

b) Đối với nhà thầu, nhà đầu tư (bao gồm cả nhà thầu nhận phần lãi được chia)

Hồ sơ đăng ký thuế gồm:

- Tờ khai đăng ký thuế theo mẫu 02-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư này. Trên tờ khai đăng ký thuế phải ghi rõ mã số thuế 13 số đã được Người điều hành thông báo;

- Bản sao không yêu cầu chứng thực Giấy chứng nhận đầu tư;

Cơ quan thuế địa phương nơi nhà thầu, nhà đầu tư đặt văn phòng điều hành căn cứ hồ sơ đăng ký thuế của nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí và thông báo mã số thuế của cơ quan thuế quản lý trực tiếp Người điều hành để thực hiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký thuế theo quy định.”

10. Khoản 7 Điều 5 Thông tư số 80/2012/TT-BTC sửa đổi, bổ sung Tiết 2.8 Điểm 2 Mục I Phần II Thông tư số 85/2007/TT-BTC:

“7. Hồ sơ đăng ký thuế đối với người nộp thuế là cá nhân thuộc diện nộp thuế thu nhập cá nhân gồm

- Tờ khai đăng ký thuế theo mẫu 05-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư này;

- Bản sao không yêu cầu chứng thực Chứng minh nhân dân hoặc chứng minh quân đội hoặc hộ chiếu đối với người nước ngoài.”

11. Bổ sung quy định về đăng ký thuế đối với người nộp thuế sử dụng đất phi nông nghiệp tại Khoản 11 Điều 5 Thông tư số 80/2012/TT-BTC:

“11. Đối với người nộp thuế sử dụng đất phi nông nghiệp là cá nhân, cơ quan thuế tự động cấp mã số thuế khi nhận hồ sơ thuế sử dụng đất phi nông nghiệp của năm đầu tiên.”

12. Bổ sung quy định về địa điểm nộp hồ sơ đăng ký thuế đối với doanh nghiệp thành lập theo Luật Doanh nghiệp tại Khoản 1 Điều 6 Thông tư số 80/2012/TT-BTC:

“1. Doanh nghiệp và các đơn vị trực thuộc thành lập theo Luật Doanh nghiệp, thực hiện nộp hồ sơ đăng ký thuế tại cơ quan Đăng ký kinh doanh theo quy định của Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.”

13. Bổ sung quy định về tiếp nhận hồ sơ đăng thuế đối với doanh nghiệp thành lập theo Luật Doanh nghiệp tại Khoản 1 Điều 7 Thông tư số 80/2012/TT-BTC:

“1. Doanh nghiệp thành lập và hoạt động theo quy định Luật Doanh nghiệp, cơ quan thuế thực hiện theo Quy trình phối hợp trao đổi thông tin đăng ký doanh nghiệp giữa cơ quan Thuế và cơ quan Đăng ký kinh doanh hiện hành.”

14. Điều 8 Thông tư số 80/2012/TT-BTC sửa đổi, bổ sung Điểm 6 Mục I Phần II Thông tư số 85/2007/TT-BTC:

“Điều 8. Cấp Giấy chứng nhận đăng ký thuế

Giấy chứng nhận đăng ký thuế được cấp cho các tổ chức, cá nhân quy định tại các điểm b, c, d, đ và e khoản 3 Điều 3 Thông tư này, trừ các trường hợp thành lập, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp.

1. Thời hạn cấp chứng nhận đăng ký thuế

Cơ quan thuế có trách nhiệm cấp chứng nhận đăng ký thuế chậm nhất không quá 03 (ba) ngày làm việc đối với các hồ sơ đăng ký thuế tính từ ngày nhận được đủ hồ sơ đăng ký thuế.

2. Chứng nhận đăng ký thuế

a) Giấy chứng nhận đăng ký thuế: Người nộp thuế thực hiện đầy đủ thủ tục và hồ sơ đăng ký thuế được cơ quan thuế cấp “Giấy chứng nhận đăng ký thuế” theo mẫu số 10-MST ban hành kèm theo Thông tư này (trừ cá nhân thuộc diện nộp thuế thu nhập cá nhân và các trường hợp được cấp Thông báo mã số thuế).

b) Thẻ mã số thuế cá nhân: Cá nhân thuộc diện nộp thuế thu nhập cá nhân thực hiện đầy đủ thủ tục và hồ sơ đăng ký thuế được cấp “Thẻ mã số thuế cá nhân” theo mẫu số 12-MST ban hành kèm theo Thông tư này.

c) Thông báo mã số thuế: Các trường hợp được cấp thông báo mã số thuế theo mẫu số 11-MST ban hành kèm theo Thông tư này gồm:

- Người nộp thuế có phát sinh các hoạt động kinh doanh mới hoặc mở rộng hoạt động kinh doanh sang địa phương khác không thành lập chi nhánh hoặc đơn vị trực thuộc;

- Cá nhân, nhóm cá nhân kinh doanh thiếu chứng minh nhân dân hoặc thiếu giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

- Cá nhân nộp thuế sử dụng đất phi nông nghiệp;
- Bên Việt Nam nộp thay cho thuế nhà thầu, nhà thầu phụ nước ngoài;
- Đơn vị sự nghiệp, đơn vị vũ trang;
- Tổ chức kinh tế của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp.
- Tổ chức, cá nhân khác có phát sinh nghĩa vụ thuế nhưng không đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký thuế.

3. Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký thuế

Việc cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký thuế và Thẻ mã số thuế cá nhân cho các trường hợp (trừ các doanh nghiệp thành lập theo Luật Doanh nghiệp) được cơ quan thuế thực hiện trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu của người nộp thuế.

Các trường hợp được cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký thuế và Thẻ mã số thuế cá nhân cụ thể sau:

a) Cấp lại cho trường hợp mất, rách, nát Giấy chứng nhận đăng ký thuế: Người nộp thuế phải kê khai với cơ quan thuế trực tiếp quản lý để được cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký thuế. Hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký thuế gồm “Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký thuế” theo mẫu số 13-MST.

b) Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký thuế trong trường hợp chỉ tiêu trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế thay đổi: Khi có nội dung ghi tại các chỉ tiêu trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế thay đổi, người nộp thuế phải thực hiện các thủ tục theo hướng dẫn tại Điều 11 Thông tư này để cơ quan thuế cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký thuế.

c) Cấp lại Thẻ mã số thuế cá nhân: Cá nhân mất Thẻ mã số thuế cá nhân hoặc thẻ bị rách, nát, hỏng thì làm đơn đề nghị cơ quan thuế cấp lại Thẻ mã số thuế cá nhân theo mẫu số 13-MST. Trong đơn phải ghi rõ: mã số thuế, họ tên, số chứng minh nhân dân hoặc số hộ chiếu (nếu là người nước ngoài), nơi đăng ký cấp thẻ trước đây. Trường hợp đổi thẻ thì cá nhân đó phải nộp lại thẻ cũ cho cơ quan thuế.

4. Cấp lại Thông báo mã số thuế: Người nộp thuế liệt kê tại điểm c khoản 2 Điều này có yêu cầu cấp lại Thông báo mã số thuế thì làm đơn đề nghị cơ quan thuế trực tiếp quản lý cấp lại Thông báo mã số thuế theo mẫu số 13-MST. Trong đơn ghi rõ: tên, mã số thuế đã được thông báo trước đây, họ tên, số chứng minh nhân dân (nếu là cá nhân).”

15. Điều 9 Thông tư số 80/2012/TT-BTC sửa đổi, bổ sung Điểm 7 Mục I Phần II Thông tư số 85/2007/TT-BTC:

“Điều 9. Hướng dẫn một số trường hợp cụ thể

1. Người nộp thuế đã được cấp mã số thuế nếu phát sinh các hoạt động sản xuất kinh doanh mới hoặc mở rộng kinh doanh sang các tỉnh, thành phố khác (không thành lập chi nhánh hoặc đơn vị trực thuộc) phải thực hiện đăng ký thuế với cơ quan thuế nơi phát sinh hoạt động kinh doanh mới hoặc mở rộng kinh doanh theo quy định của pháp luật về thuế. Người nộp thuế là doanh nghiệp, tổ chức sử dụng mẫu tờ khai 01-ĐK-TCT, đơn vị trực thuộc của doanh nghiệp, tổ chức sử dụng mẫu tờ khai 02-ĐK-TCT kèm hợp đồng hoặc giấy phép hoạt động kinh doanh mới, mở rộng để đăng ký thuế với Cục thuế tỉnh, thành phố nơi có phát sinh hoạt động sản xuất kinh doanh mới hoặc mở rộng. Người nộp thuế phải tự ghi mã số thuế đã được cấp trên tờ khai đăng ký thuế này.

2. Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh khi chuyển hoạt động kinh doanh từ vợ sang chồng, bố mẹ sang con và ngược lại (bao gồm cả trường hợp bán cơ sở kinh doanh của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh) phải thông báo với cơ quan thuế để cấp lại mã số thuế. Trường hợp bên nhận đã được cấp mã số thuế cá nhân thì sử dụng mã số thuế đã được cấp để khai, nộp các loại thuế phát sinh.

3. Một số quy định về mã số thuế cá nhân:

- Cá nhân cùng lúc nộp thuế thu nhập cá nhân qua nhiều tổ chức chi trả, chỉ đăng ký thuế tại một tổ chức chi trả để được cấp mã số thuế. Cá nhân thông báo mã số của mình với các tổ chức chi trả khác để các tổ chức chi trả sử dụng vào việc khai thuế, nộp thuế. Nếu một cá nhân vừa nộp thuế thu nhập cá nhân, vừa có hoạt động kinh doanh thì sử dụng mã số thuế thu nhập cá nhân để khai thuế, nộp thuế cho các hoạt động kinh doanh theo mẫu đăng ký thuế 03-ĐK-TCT (ghi mã số thuế đã được cấp vào ô mã số thuế của tờ khai). Trường hợp cá nhân hoạt động kinh doanh đã được cấp mã số thuế thì sử dụng mã số thuế này để khai thuế, nộp thuế thu nhập cá nhân. Cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký khai thuế, nộp thuế với cơ quan thuế theo mẫu 05-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư này (tự ghi mã số thuế đã được cấp vào ô mã số thuế).

- Trường hợp cơ quan thuế có đầy đủ thông tin cá nhân về người nộp thuế thì thực hiện cấp mã số thuế và thông báo cho người nộp thuế biết.

- Trường hợp hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh phát sinh hoạt động kinh doanh mới hoặc mở rộng sang địa bàn khác quận, huyện, thị xã nơi đã đăng ký mã số thuế thì sử dụng mã số thuế 10 số đã được cấp để khai, nộp thuế. Cơ quan thuế phát hiện cá nhân có hơn một mã số thuế 10 số thì thực hiện thu hồi các mã số thuế 10 số đã cấp sau mã số thuế 10 số đầu tiên.

- Chủ doanh nghiệp tư nhân nếu phát sinh thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân phải sử dụng mã số thuế cá nhân của chủ doanh nghiệp tư nhân để kê khai, nộp thuế và quyết toán thuế; Không sử dụng mã số thuế của doanh nghiệp tư nhân để kê khai, khấu trừ các khoản thuế thu nhập cá nhân này.”

II- THAY ĐỔI THÔNG TIN ĐĂNG KÝ THUẾ

1. Bổ sung quy định về trách nhiệm thông báo thay đổi thông tin đăng ký thuế đối với doanh nghiệp thành lập theo Luật Doanh nghiệp tại Khoản 1 Điều 10 Thông tư số 80/2012/TT-BTC:

“1. Đối với doanh nghiệp thành lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp thì thực hiện thông báo thay đổi thông tin đăng ký thuế theo quy định tại Điều 45 Nghị định số 43/2010/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn thi hành.”

2. Khoản 3 Điều 11 Thông tư số 80/2012/TT-BTC sửa đổi, bổ sung Tiết 2.3 Điểm 2 Mục II Phần II Thông tư số 85/2007/TT-BTC:

“3. Thông báo thay đổi các chỉ tiêu khác trên tờ khai đăng ký thuế:

Khi thay đổi các nội dung thông tin đã kê khai trong đăng ký thuế, người nộp thuế phải thực hiện thông báo thay đổi thông tin đăng ký thuế theo “Tờ khai điều chỉnh đăng ký thuế” mẫu 08-MST ban hành kèm theo Thông tư này trong thời hạn 05 (năm) ngày kể từ ngày có sự thay đổi.

Hồ sơ bổ sung đăng ký thuế gồm:

- Tờ khai điều chỉnh đăng ký thuế theo mẫu 08-MST;
- Bản sao không yêu cầu chứng thực Giấy phép đăng ký kinh doanh bổ sung hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy chứng nhận đầu tư đối với các trường hợp thay đổi thông tin phải cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh bổ sung hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy chứng nhận đầu tư;
- Bảng kê kèm theo tờ khai đăng ký thuế ban đầu (nếu có).”

3. Bổ sung quy định về địa điểm nộp hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký thuế đối với doanh nghiệp thành lập theo Luật Doanh nghiệp tại Khoản 1 Điều 12 Thông tư số 80/2012/TT-BTC:

“1. Doanh nghiệp và các đơn vị trực thuộc thành lập theo Luật Doanh nghiệp thực hiện nộp hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký thuế tại cơ quan Đăng ký kinh doanh theo quy định của Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.”

4. Điều 13 Thông tư số 80/2012/TT-BTC sửa đổi, bổ sung Điểm 4 Mục II Phần II Thông tư số 85/2007/TT-BTC:

“Điều 13. Tiếp nhận hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký thuế

Cơ quan thuế có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký thuế của người nộp thuế, thực hiện thay đổi và cập nhật các thông tin thay đổi vào hệ thống dữ liệu đăng ký thuế của ngành thuế.

Trường hợp phát sinh thay đổi thông tin các chỉ tiêu có trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế, cơ quan thuế lập giấy hẹn để cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký thuế trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ thay đổi thông tin.”

III. CHẤM DỨT HIỆU LỰC MÃ SỐ THUẾ

1. Điều 14 Thông tư số 80/2012/TT-BTC sửa đổi, bổ sung Điểm 1, Điểm 2 Mục III Phần II Thông tư số 85/2007/TT-BTC:

“Điều 14. Chấm dứt hiệu lực mã số thuế

Chấm dứt hiệu lực mã số thuế là thủ tục cơ quan thuế xác định mã số thuế không còn giá trị sử dụng trong hệ thống dữ liệu đăng ký thuế của ngành Thuế. Cơ quan thuế thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký thuế và thông báo công khai danh sách các mã số thuế chấm dứt hiệu lực sử dụng.

Tổ chức, cá nhân kinh doanh chấm dứt hoạt động, tổ chức sắp xếp lại doanh nghiệp phải thực hiện thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế. Đối với cá nhân chết, mất tích hoặc mất năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật, cơ quan thuế trực tiếp quản lý thực hiện chấm dứt hiệu lực mã số thuế theo quy định.

Tổ chức sau khi đã làm thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế, nếu hoạt động trở lại phải thực hiện đăng ký thuế để được cấp mã số thuế mới. Cá nhân sau khi đã làm thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế, nếu phát sinh nghĩa vụ thuế phải thực hiện thủ tục đăng ký thuế với cơ quan thuế để được sử dụng lại mã số thuế đã được cấp trước đây.”

2. Khoản 1 Điều 15 Thông tư số 80/2012/TT-BTC sửa đổi, bổ sung Tiết 3.1, 3.2 Điểm 3 Mục III Phần II Thông tư số 85/2007/TT-BTC:

“1. Đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh và đơn vị trực thuộc

a) Đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh

· Hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế gồm:

- Giấy chứng nhận đăng ký thuế (bản gốc);

- Bản sao không yêu cầu chứng thực Quyết định giải thể doanh nghiệp hoặc Quyết định mở thủ tục phá sản doanh nghiệp; Thông báo chấm dứt hoạt động của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh.

Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế nhận được Thông báo của cơ quan có thẩm quyền cấp đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đầu tư, giấy phép hoạt động hoặc người nộp thuế về việc giải thể, chấm dứt hoạt động, sắp xếp lại doanh nghiệp, cơ quan thuế phải thực hiện thông báo doanh nghiệp ngừng hoạt động và đang làm thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế.

Sau khi nhận được thông báo của cơ quan thuế, người nộp thuế phải thực hiện nộp các hồ sơ liên quan và quyết toán các nghĩa vụ thuế với cơ quan thuế trực tiếp quản lý theo quy định.

Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được các tài liệu, hồ sơ liên quan đến việc quyết toán nghĩa vụ thuế từ người nộp thuế, cơ quan thuế

tiến hành kiểm tra quyết toán thuế theo quy định của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

b) Đối với đơn vị trực thuộc:

Đơn vị chủ quản chấm dứt hiệu lực mã số thuế thì tất cả các đơn vị trực thuộc sẽ bị chấm dứt hiệu lực mã số thuế. Đơn vị chủ quản có trách nhiệm thông báo việc chấm dứt tồn tại của mình cho các đơn vị trực thuộc biết. Đơn vị trực thuộc có trách nhiệm thực hiện thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế của mình trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày đơn vị trực thuộc nhận được thông báo của đơn vị chủ quản về việc chấm dứt tồn tại, hồ sơ gồm:

- Giấy chứng nhận đăng ký thuế (bản gốc);
- Thông báo chấm dứt tồn tại của đơn vị chủ quản.

Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc sau khi chấm dứt hiệu lực mã số thuế của đơn vị chủ quản, cơ quan thuế quản lý đơn vị chủ quản phải thông báo ngay cho Cục thuế các tỉnh, thành phố có đơn vị trực thuộc về việc chấm dứt hiệu lực mã số thuế của đơn vị chủ quản để các Cục thuế này kiểm tra việc thực hiện thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế của các đơn vị trực thuộc. Nếu đơn vị trực thuộc chưa chấm dứt hiệu lực mã số thuế thì cơ quan thuế yêu cầu các đơn vị trực thuộc phải thực hiện thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế theo quy định.

Sau khi đơn vị chủ quản giải thể, phá sản, chấm dứt tồn tại, nếu một số đơn vị trực thuộc vẫn tiếp tục hoạt động thì các đơn vị trực thuộc này phải làm thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế trực thuộc và thực hiện đăng ký thuế mới với cơ quan thuế như một đơn vị độc lập. Các trường hợp đơn vị chủ quản đã chấm dứt hiệu lực mã số thuế mà đơn vị trực thuộc vẫn sử dụng mã số thuế 13 số theo mã số thuế của đơn vị chủ quản đều bị coi là sử dụng mã số thuế không hợp pháp.”

3. Khoản 3 Điều 15 Thông tư số 80/2012/TT-BTC sửa đổi, bổ sung Tiết 3.4 Điểm 3 Mục III Phần II Thông tư số 85/2007/TT-BTC:

“3. Đối với cá nhân chết, mất tích, hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự

Trường hợp người nộp thuế là cá nhân đã chết, mất tích, hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật, cơ quan thuế căn cứ giấy tờ liên quan của cơ quan có thẩm quyền xác nhận việc chết, mất tích, hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự của cá nhân để làm thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế.”

IV- ĐĂNG KÝ THUẾ ĐỐI VỚI TRƯỜNG HỢP TỎ CHỨC, SẮP XẾP LẠI DOANH NGHIỆP

1. Điều 16 Thông tư số 80/2012/TT-BTC sửa đổi, bổ sung Điểm 1, 2, 3, 4 Mục IV Phần II Thông tư số 85/2007/TT-BTC.

“Điều 16. Chia, tách, sáp nhập, hợp nhất doanh nghiệp

1. Chia doanh nghiệp

a) Đối với doanh nghiệp bị chia:

Doanh nghiệp bị chia phải làm thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế với cơ quan thuế khi có Quyết định chia doanh nghiệp.

Hồ sơ gồm:

- Công văn đề nghị chấm dứt hiệu lực mã số thuế;
- Bản sao không yêu cầu chứng thực Quyết định chia doanh nghiệp;
- Giấy chứng nhận đăng ký thuế (bản gốc).

Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, cơ quan thuế phải thực hiện thông báo doanh nghiệp đã ngừng hoạt động và đang làm thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế.

b) Đối với doanh nghiệp mới được chia:

Các doanh nghiệp mới thành lập từ doanh nghiệp bị chia phải thực hiện kê khai đăng ký thuế với cơ quan thuế trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Hồ sơ, trình tự thủ tục thực hiện theo quy định của pháp luật về đăng ký mới doanh nghiệp.

2. Tách doanh nghiệp

a) Đối với doanh nghiệp bị tách:

Trường hợp sau khi tách, doanh nghiệp bị tách có phát sinh thay đổi thông tin đăng ký thuế, doanh nghiệp phải thực hiện thủ tục thay đổi thông tin đăng ký thuế trong thời hạn là 10 (mười) ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, hồ sơ gồm:

- Bản sao không yêu cầu chứng thực Quyết định tách doanh nghiệp;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
- Tờ khai điều chỉnh đăng ký thuế theo mẫu 08-MST.

Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, cơ quan thuế phải thực hiện thủ tục điều chỉnh thông tin đăng ký thuế của doanh nghiệp bị tách trong hệ thống quản lý mã số thuế. Doanh nghiệp bị tách vẫn sử dụng mã số thuế và Giấy chứng nhận đăng ký thuế đã được cấp trước đây để tiếp tục thực hiện nghĩa vụ về thuế.

Trường hợp điều chỉnh thông tin đăng ký thuế làm phát sinh thay đổi thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế, cơ quan thuế thực hiện cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký thuế cho người nộp thuế theo quy định.

b) Đối với doanh nghiệp được tách:

Doanh nghiệp được tách phải thực hiện thủ tục đăng ký thuế với cơ quan thuế khi có Quyết định tách doanh nghiệp và chậm nhất không quá 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận được Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Hồ sơ, trình tự, thủ tục thực hiện theo quy định của pháp luật về đăng ký mới doanh nghiệp.

3. Sáp nhập doanh nghiệp

Doanh nghiệp nhận sáp nhập sẽ giữ nguyên mã số thuế và phải chịu toàn bộ trách nhiệm về nghĩa vụ thuế của các doanh nghiệp bị sáp nhập. Các doanh nghiệp bị sáp nhập sẽ bị chấm dứt hiệu lực mã số thuế.

a) Doanh nghiệp bị sáp nhập:

Khi có Hợp đồng sáp nhập theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các doanh nghiệp bị sáp nhập phải thực hiện thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế với cơ quan thuế. Hồ sơ gồm:

- Công văn đề nghị chấm dứt hiệu lực mã số thuế;
- Bản sao không yêu cầu chứng thực Hợp đồng sáp nhập.

Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, cơ quan thuế phải thực hiện thông báo doanh nghiệp ngừng hoạt động và đang làm thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế của các doanh nghiệp bị sáp nhập.

b) Doanh nghiệp nhận sáp nhập:

Trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, doanh nghiệp nhận sáp nhập phải làm thủ tục thay đổi thông tin đăng ký thuế (trường hợp sáp nhập phát sinh thay đổi thông tin đăng ký thuế), hồ sơ gồm:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp nhận sáp nhập (bản sao không cần chứng thực);
- Tờ khai điều chỉnh đăng ký thuế theo mẫu 08-MST.

4. Hợp nhất doanh nghiệp

Doanh nghiệp hợp nhất là doanh nghiệp mới, tiếp nhận toàn bộ tài sản, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của các doanh nghiệp bị hợp nhất chuyển sang. Các doanh nghiệp bị hợp nhất sẽ bị chấm dứt hiệu lực mã số thuế.

a) Doanh nghiệp bị hợp nhất:

Khi có Hợp đồng hợp nhất theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các doanh nghiệp bị hợp nhất phải thực hiện thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế với cơ quan thuế. Hồ sơ gồm:

- Công văn đề nghị chấm dứt hiệu lực mã số thuế;
- Bản sao không yêu cầu chứng thực Hợp đồng hợp nhất.

Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, cơ quan thuế phải thực hiện thông báo doanh nghiệp ngừng hoạt động và đang làm thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế của các doanh nghiệp bị hợp nhất.

b) Doanh nghiệp hợp nhất:

Trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, doanh nghiệp hợp nhất phải làm thủ tục đăng ký thuế để được Giấy chứng nhận đăng ký thuế mới. Hồ sơ, trình tự thủ tục thực hiện theo quy định của pháp luật về đăng ký mới doanh nghiệp.”

2. Bổ sung quy định về bán doanh nghiệp đối với doanh nghiệp thành lập theo Luật Doanh nghiệp tại Khoản 1 Điều 17 Thông tư số 80/2012/TT-BTC:

“1. Doanh nghiệp thành lập, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp thực hiện theo quy định tại Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn hiện hành.”

3. Điều 18 Thông tư số 80/2012/TT-BTC sửa đổi hồ sơ đăng ký thuế tại Điểm 6 Mục IV Phần II Thông tư số 85/2007/TT-BTC:

“...Hồ sơ đăng ký gồm:

- Tờ khai đăng ký thuế theo mẫu 01-ĐK-TCT;
- Bản sao không yêu cầu chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mới.”

4. Điều 19 Thông tư số 80/2012/TT-BTC sửa đổi, bổ sung Điểm 7 Mục IV Phần II Thông tư số 85/2007/TT-BTC:

“Điều 19. Tạm ngừng kinh doanh

Tổ chức, cá nhân tạm ngừng kinh doanh phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan thuế trực tiếp quản lý chậm nhất là 05 (năm) ngày trước khi tạm ngừng kinh doanh. Nội dung thông báo phải ghi rõ thời gian bắt đầu và kết thúc tạm ngừng kinh doanh, lý do tạm ngừng kinh doanh. Thời hạn tạm ngừng kinh doanh ghi trong thông báo không được quá 01 (một) năm. Sau khi hết thời hạn ghi trên thông báo, nếu tổ chức, cá nhân vẫn tiếp tục tạm ngừng kinh doanh thì phải gửi thông báo cho cơ quan đăng ký kinh doanh hoặc cơ quan thuế chậm nhất là 05 (năm) ngày trước ngày tạm ngừng tiếp theo, tổng thời gian tạm ngừng kinh doanh liên tiếp không được quá 02 (hai) năm theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Trước khi tạm ngừng kinh doanh, tổ chức, cá nhân phải hoàn thành các nghĩa vụ thuế còn nợ với ngân sách nhà nước.

Doanh nghiệp thành lập và hoạt động theo quy định của Luật Doanh nghiệp khi tạm ngừng kinh doanh phải nộp hồ sơ tạm ngừng kinh doanh tại cơ quan đăng ký kinh doanh theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn hiện hành.”